

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 80/2020/HNGĐ-ST

Ngày 16 tháng 11 năm 2020

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Huệ

2. Ông Đỗ Đức Nhân

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thảo Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 262/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2020/QĐXX-ST ngày 30/10/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Th, sinh năm 1987

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn X, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở: Thôn Kh, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn D, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn X, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình (Chị Th có mặt, anh D có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình thì nguyên đơn là chị Bùi Thị Th có yêu cầu khởi kiện và trình bày tại phiên tòa như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Trần Văn D do tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình vào ngày 07/01/2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống ở nhà anh D ở Thôn X, xã Q, huyện Q. Vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng 10 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, anh

D có người phụ nữ khác. Tháng 02 năm 2020, Chị Th đưa con chung về nhà bố mẹ đẻ ở cùng thôn Kh, xã Q sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay Chị Th xác định cuộc sống vợ chồng với anh D không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Văn D.

Về con chung: Chị Bùi Thị Th trình bày, chị và anh Trần Văn D có 01 con chung là Trần Đức V, sinh ngày 17/01/2009. Hiện nay con V đang ở cùng Chị Th và học tập tại trường tiểu học và trung học cơ sở xã Q, huyện Q. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giao con V cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh D phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Bùi Thị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 20/10/2020, anh Trần Văn D trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận về thời gian, hoàn cảnh, điều kiện kết hôn như Chị Th trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà anh ở Thôn X, xã Q, huyện Q. Quá trình chung sống vợ chồng không phát sinh mâu thuẫn gì. Tháng 02 năm 2020 Chị Th đã tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở Thôn Kh, xã Q, huyện Q sinh sống, anh đã sang nói chuyện và khuyên Chị Th về nhưng Chị Th kiên quyết không về. Vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay Chị Th xin ly hôn, quan điểm của anh là nhất trí ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Đức V, sinh ngày 17/01/2009. Hiện nay con đang ở cùng Chị Th. Ly hôn anh nhất trí để Chị Th trực tiếp nuôi dưỡng con chung, việc cấp dưỡng nuôi con vợ chồng tự thỏa thuận trên tinh thần tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại biên bản ghi lời khai của con chung là cháu Trần Đức V, sinh ngày 17/01/2009 thể hiện: cháu V có nguyện vọng được ở cùng với mẹ là chị Bùi Thị Th.*

- *Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình có quan điểm cho rằng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Về ý kiến giải quyết vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nguyên đơn phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì thêm.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa chị Bùi Thị Th và anh Trần Văn D là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có địa chỉ tại xã Q, huyện Q nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Trần Văn D có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh D là phù hợp với khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc thu thập chứng cứ, xác minh về tình trạng hôn nhân, điều kiện nuôi dưỡng con chung vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên toà là đúng theo Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, quan hệ hôn nhân của Chị Th, anh D được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn và chung sống được khoảng 10 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không thực sự thấu hiểu, chia sẻ với nhau về các vấn đề trong cuộc sống, bản thân Chị Th nghi ngờ anh D có người phụ nữ khác. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2020 đến nay, không quan tâm đến nhau. Chị Th cương quyết đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, anh D cũng nhất trí vì cho rằng tình cảm vợ chồng không còn. Như vậy có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa Chị Th, anh D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Th, xử cho chị được ly hôn anh D là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Th, anh D có 01 con chung là Trần Đức V, sinh ngày 17/01/2009. Ly hôn, Chị Th đề nghị Tòa án giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh D phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị, anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Tại bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt, anh D đồng ý giao con chung cho Chị Th nuôi dưỡng. Xét thấy, nguyện vọng nuôi con chung của Chị Th là hoàn toàn chính đáng, phù hợp với ý kiến của anh D và gia đình anh D, phù hợp với kết quả xác minh tại cơ sở thôn X, xã Q và thống nhất với nguyện vọng của con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Việc cấp dưỡng nuôi con Chị Th không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Th, anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Th phải nộp án phí dân sự sơ thẩm; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227,

khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị Th được ly hôn anh Trần Văn D.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao chị Bùi Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Đức V, sinh ngày 17/01/2009 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi theo quy định của pháp luật. Chị Th không yêu cầu anh D phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị, anh D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung.

Hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi về cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra để giải quyết.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị Th phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) Chị Th đã nộp theo Biên lai thu số 0004553 ngày 08/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình được chuyển thành tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Bùi Thị Th có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Trần Văn D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS h. Quỳnh Phụ;
- UBND xã Q, h. Q(nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Phụng